

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Trái ngược với phiên điều chỉnh hôm qua, VN-Index hôm nay bật tăng mạnh mẽ hơn 24 điểm và đóng cửa tại mốc 1,509.54. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản, Dịch vụ tài chính, Hàng & dịch vụ công nghiệp tăng trên 3%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng khoảng 1.8 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Mặc dù chỉ số vẫn chưa thể vượt qua 1,510, nhưng lực cầu bắt đáy tại vùng 1,490 – 1,500 khá tốt. Trong những phiên tới, chỉ số có thể tiếp tục giao dịch trong vùng 1,490 – 1,510 để tạo nền giá mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/07/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+24.49** điểm, đóng cửa tại **1509.54** điểm. HNX-Index **+2.06** điểm, đóng cửa tại **247.85** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.14)**, **VHM (+3.43)**, **VCB (+1.76)**, **BID (+1.32)**, **VJC (+0.88)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-0.20)**, **TCB (-0.16)**, **GVR (-0.14)**, **HNA (-0.07)**, **BMP (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **30,512** tỷ đồng, giảm **-7.19%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 33,832 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 32.93 điểm. Thị trường có **224** mã tăng, 43 mã tham chiếu, **103** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1751.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VJC (-1858.67 tỷ)**, **SSI (-228.06 tỷ)**, **SHB (-155.44 tỷ)**, **PDR (-101.67 tỷ)**, **GMD (-60.26 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **21.11** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.21%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+3.88%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+3.80%) [\(Link báo cáo\)](#)
HCM (+3.27%)
- BSC50 **+1.34%**. Các mã diễn biến tích cực:
GEX (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
VJC (+6.94%)
EIB (+6.89%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.21%	1.34%	1.65%	1.71%
1 tuần	1.18%	2.13%	3.35%	3.90%
1 tháng	7.74%	9.59%	11.87%	15.38%
3 tháng	24.23%	24.16%	24.65%	27.09%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,509.54	247.85	104.02
% 1D	1.65%	0.84%	-0.24%
GTKL (tỷ VND)	30,512	2,643	761
%1D	-7.19%	-1.91%	-31.15%
GDNN (tỷ VND)	-1751.32	21.11	-37.46

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	68.04	VJC	-1858.67
TPB	62.35	SSI	-228.06
VCB	60.21	SHB	-155.44
FPT	55.72	PDR	-101.67
NVL	51.37	GMD	-60.26

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

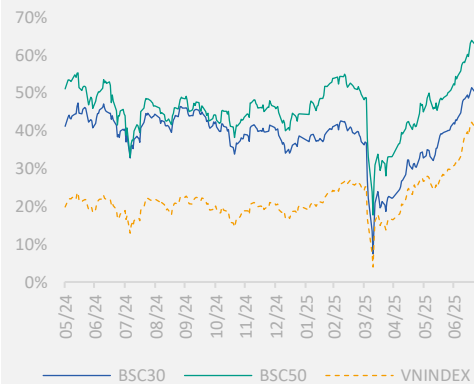
		%D	%W
SPX	6,306	0.14%	0.59%
FTSE100	9,011	-0.02%	0.82%
Eurostoxx	5,305	-0.58%	-0.88%
Shanghai	3,582	0.62%	2.19%
Nikkei	39,775	-0.11%	0.72%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.56	-0.94%
Giá vàng	3,386	-0.77%
Tỷ giá		
USD/VND	26,320	-0.08%
EUR/VND	31,342	0.49%
JPY/VND	181	0.56%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.4%	0.00%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	117.50	4.91%	5.14	3.88
VHM	95.50	3.80%	3.43	4.11
VCB	62.20	1.47%	1.76	8.36
BID	38.90	2.10%	1.32	7.02
VJC	101.70	6.94%	0.88	0.54

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	191.40	10.00%	2.46	0.20
SHS	17.40	6.10%	0.61	0.89
MBS	30.20	2.03%	0.23	0.57
CEO	22.40	2.28%	0.18	0.54
NVB	15.10	1.34%	0.15	1.17

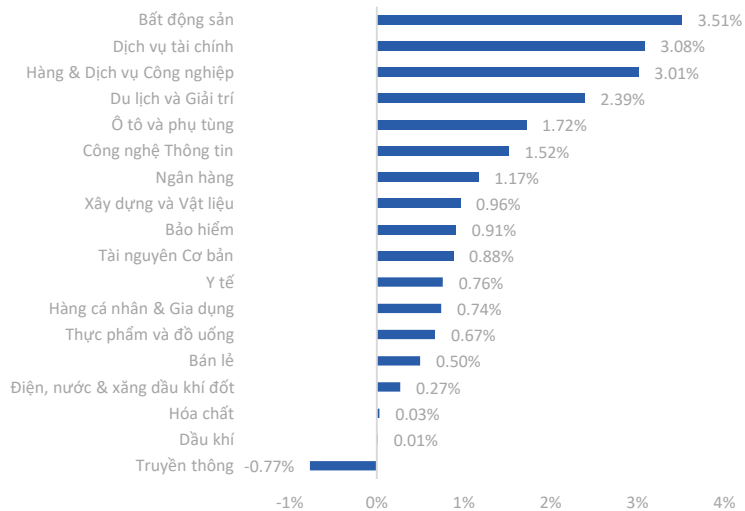
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTS	34.40	7.00%	0.12	3.84
VIX	20.65	6.99%	0.50	61.94
HHP	9.95	6.99%	0.01	0.58
GEX	47.50	6.98%	0.68	17.50
YBM	15.35	6.97%	0.00	0.11

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BKC	50.80	9.96%	0.23	0.04
HCC	23.30	9.91%	0.06	0.13
ICG	13.50	9.76%	0.09	0.15
PDB	14.90	9.56%	0.05	0.08
ATS	15.10	9.42%	0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	88.40	-0.56%	-0.20	1.79
TCB	35.35	-0.28%	-0.16	7.06
GVR	30.45	-0.49%	-0.14	4.00
HNA	24.50	-5.41%	-0.07	0.24
BMP	143.80	-1.44%	-0.04	0.08

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	13.90	-2.11%	-0.17	0.89
NTP	67.60	-1.89%	-0.12	0.14
KSF	66.50	-0.75%	-0.10	0.30
DTK	12.50	-1.57%	-0.09	0.68
DNP	19.20	-4.00%	-0.07	0.14

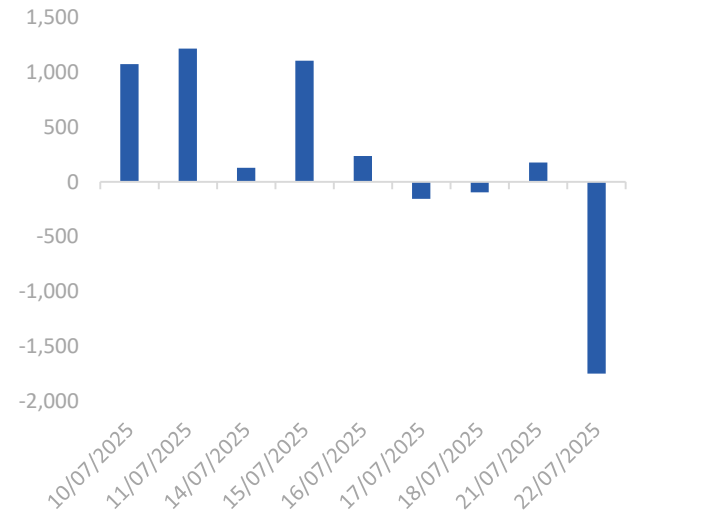
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUCVREIT	8.27	-6.97%	0.00	0.02
LDG	6.11	-6.86%	-0.02	0.54
DRH	3.68	-6.84%	-0.01	3.51
PTL	3.41	-6.83%	-0.01	0.99
HVX	3.28	-6.82%	0.00	0.31

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	29.20	-9.88%	-0.04	0.00
VE3	7.80	-9.30%	0.00	0.00
BST	9.80	-9.26%	0.00	0.01
VDL	9.80	-8.41%	-0.05	0.00
PPP	21.00	-8.30%	-0.06	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	70.4	0.6%	1.4	104,083	568.0	2,975	23.7		48.8%	
KBC	Bất động sản	28.5	0.4%	1.5	26,793	95.0	1,600	17.8		15.3%	
KDH	Bất động sản	28.4	0.5%	1.3	31,588	107.5	812	35.0		34.4%	
PDR	Bất động sản	20.4	2.0%	1.8	18,508	386.4	179	113.9	23,600	10.2%	Link
VHM	Bất động sản	95.5	3.8%	0.9	392,258	425.5	7,766	12.3	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	112.1	1.6%	0.9	190,966	790.4	4,872	23.0	136,500	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	18.6	0.0%	0.0	57,669	66.7	(37)	(506)		0.3%	
PVS	Dầu khí	33.4	0.0%	1.5	15,964	157.3	2,303	14.5	38,600	12.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.3	3.3%	1.5	27,323	450.6	1,202	21.0		38.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.0	2.1%	1.4	63,100	1957.2	1,545	20.7		41.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	41.8	2.7%	1.4	30,169	695.9	1,370	30.5		29.6%	
DCM	Hóa chất	35.2	2.2%	1.5	18,635	280.8	2,805	12.6	37,800	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	102.3	0.2%	1.4	38,851	245.6	8,205	12.5	109,300	14.7%	Link
ACB	Ngân hàng	22.9	0.2%	0.8	117,629	296.9	3,224	7.1	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	38.9	2.1%	0.8	273,131	420.0	3,643	10.7	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	45.6	0.9%	1.1	244,872	222.6	4,806	9.5	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	25.5	3.9%	1.1	88,949	827.6	3,985	6.4	26,400	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	27.2	0.7%	1.0	165,677	592.0	4,049	6.7	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	13.4	0.8%	1.0	34,840	127.2	2,150	6.2	14,000	28.2%	Link
STB	Ngân hàng	49.5	0.0%	1.0	93,318	468.0	5,767	8.6		20.2%	
TCB	Ngân hàng	35.4	-0.3%	1.1	249,743	1010.8	3,019	11.7	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.3	1.3%	1.1	40,422	462.7	2,383	6.4	-	24.2%	Link
VCB	Ngân hàng	62.2	1.5%	0.8	519,723	310.9	4,063	15.3	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	17.4	0.3%	0.9	59,094	249.7	2,105	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	22.5	0.9%	1.0	178,513	929.9	2,030	11.1	24,000	25.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.5	1.0%	1.3	203,016	844.5	1,628	16.3	35,800	22.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.1	0.3%	1.6	11,209	120.6	749	24.1	16,800	8.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	33.9	2.9%	1.4	11,329	501.2	3,930	8.6	32,200	5.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.7	0.3%	1.3	111,760	570.9	1,518	51.2	82,500	25.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.2	0.3%	0.7	125,815	285.2	4,194	14.4	64,500	48.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.5	0.98%	1.6	10,180	126.8	2,098	22.1	26.6%		Link
FRT	Bán lẻ	151.0	-0.66%	0.7	25,716	155.1	2,623	57.6	32.1%		Link
BVH	Bảo hiểm	52.5	1.16%	1.0	38,972	18.2	2,975	17.7	27.3%		
DIG	Bất động sản	20.5	1.99%	1.6	13,252	517.9	303	67.6	5.2%		
DXG	Bất động sản	19.5	3.17%	1.7	19,868	477.7	310	63.0	26.5%		Link
HDC	Bất động sản	30.9	2.15%	1.4	5,511	237.2	443	69.8	4.0%		
HDG	Bất động sản	27.3	2.44%	1.4	10,100	187.2	762	35.8	16.5%		Link
IDC	Bất động sản	45.4	-0.44%	1.5	14,982	110.0	4,982	9.1	19.5%		
NLG	Bất động sản	39.8	-0.62%	1.5	15,307	151.2	1,827	21.8	48.0%		Link
SIP	Bất động sản	62.8	0.32%	1.4	15,205	33.7	5,282	11.9	3.9%		
SZC	Bất động sản	37.4	-0.40%	1.4	6,722	116.6	2,036	18.3	2.5%		Link
TCH	Bất động sản	24.6	2.29%	1.6	16,438	183.0	1,279	19.2	12.0%		Link
VIC	Bất động sản	117.5	4.91%	1.0	449,280	491.6	2,823	41.6	6.8%		
VRE	Bất động sản	30.0	3.45%	1.0	68,170	149.7	1,844	16.3	18.4%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.6	0.60%	1.3	8,790	69.1	1,650	25.2	36.5%		Link
PLX	Dầu khí	37.2	0.13%	1.0	47,203	56.4	1,535	24.2	17.0%		Link
PVD	Dầu khí	20.5	-0.49%	1.3	11,396	114.1	1,246	16.5	4.0%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.7	1.75%	1.7	14,102	215.9	1,348	30.2	27.6%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.2	2.03%	1.6	17,298	228.9	1,554	19.4	5.9%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.9	0.59%	1.0	159,067	44.1	4,543	15.0	1.9%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.0	0.00%	1.2	32,669	173.7	546	25.5	3.2%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.8	0.29%	0.9	37,266	59.4	3,922	17.5	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	101.7	6.94%	0.7	60,167	2256.7	2,755	36.9	11.3%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.5	6.98%	1.8	42,864	805.5	1,954	24.3	8.3%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.1	0.18%	1.2	23,993	184.1	3,765	15.2	40.3%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72.9	4.89%	1.2	9,469	671.1	5,594	13.0	4.9%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.0	-0.28%	1.2	8,459	69.1	2,293	7.9	9.1%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	121.0	0.08%	0.0	14,736	78.4	3,235	37.4	5.5%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	85.9	1.06%	1.1	29,026	52.1	6,105	14.1	49.0%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.2	0.31%	1.0	3,608	76.6	2,608	12.4	50.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.1	1.44%	1.6	2,587	43.5	2,844	7.4	16.8%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	40.4	1.64%	1.3	15,810	225.9	1,223	33.0	7.6%		Link
GVR	Hóa chất	30.5	-0.49%	1.5	121,800	111.5	1,174	25.9	0.8%		
EIB	Ngân hàng	27.2	6.89%	1.0	50,573	701.7	1,856	14.6	5.1%		Link
LPB	Ngân hàng	35.9	1.13%	0.4	107,243	95.4	3,324	10.8	0.9%	23.3%	
NAB	Ngân hàng	14.8	1.72%	0.0	25,306	28.9	2,239	6.6	2.0%		
OCB	Ngân hàng	12.2	0.41%	0.9	30,083	63.6	1,189	10.3	19.6%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.5	0.35%	1.6	6,467	126.1	1,122	12.9	5.2%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.9	2.36%	1.6	6,350	204.3	1,871	12.8	2.8%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.9	-0.59%	0.5	10,291	96.9	1,367	24.8	3.4%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.8	0.21%	0.8	61,306	43.1	3,217	14.9	58.8%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.6	0.70%	1.2	12,929	170.8	5,567	10.4	22.0%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	143.8	-1.44%	0.7	11,772	14.4	13,288	10.8	85.8%		Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.2	0.83%	1.4	8,642	63.0	3,235	26.3	48.8%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	99.5	1.53%	1.4	11,381	45.1	4,754	20.9	9.5%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.8	-1.10%	1.6	4,511	164.1	2,336	19.2	5.9%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.0	1.17%	1.4	6,467	171.4	1,025	12.7	10.6%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.9	0.44%	1.2	8,190	75.6	1,237	18.5	14.5%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.4	0.21%	1.2	15,127	214.6	915	25.6	7.0%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.0	3.90%	1.5	21,498	65.6	2,720	17.6	5.4%		

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>